XUÂN QUẬN CÔNG NGUYỄN NGHIỄM VÀ TOẢN QUẬN CÔNG NGUYỄN KHẢN VỚI LA SƠN PHU TỬ NGUYỄN THIẾP

NGUYỄN TÙNG LĨNH*

Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm và Toản Quận công Nguyễn Khản là hai nhân vật có nhiều ảnh hưởng trong lịch sử Việt Nam dưới thời Lê Trung hưng. Họ là hai cha con thuộc dòng dõi họ Nguyễn Tiên Điền ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Cả Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Khản đều đỗ Tiến sĩ và làm quan cùng triều.

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp là học trò của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm nhưng lại là anh em rể (phương ngữ gọi là "cọc chèo") với Nguyễn Khản. Vợ của Nguyễn Thiếp và Nguyễn Khản là chị em cùng một nhà, họ là con gái của Thái bộc Đặng Uyên Túc, tức Đặng Thái Bàng ở làng Uy Viễn, cũng thuộc huyện Nghi Xuân.

Tuy có mối quan hệ mật thiết, gần gũi nhưng giữa La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp với Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Khản lại có lối sống, cách hành xử và ứng xử với thời cuộc khác biệt. Với Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Khản là khoa bảng, công danh, phú quý tột bậc nhưng cũng phải chịu nhiều biến cố của thời cuộc. Trong khi đó với La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp, ông đã chọn cho mình con đường riêng, không mặn mà làm quan, sống cuộc đời ẩn dật, thanh bạch, gần gũi với nhân dân lao động. Và chính điều này đã làm nên một La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp rất đặc biệt trong lịch sử Việt Nam.

1. Vài nét về tiểu sử Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Khản và Nguyễn Thiếp

Theo *Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền* (1), người khởi lập ra dòng họ này là Nguyễn Nhiệm, vốn con nhà gia thế, nguyên quán ở làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, nay là Hà Nội. Nguyễn Nhiệm được phong tước Nam Dương hầu, ông vốn có ý đồ khôi phục lại nhà Mạc nhưng bất thành, phải thiên di về phương Nam mai danh ẩn tích. Khi Nguyễn Nhiệm dừng lại trên đất Tiên Điền để sinh cơ lập nghiệp thì làng Tiên Điền lúc ấy là đất "vô điền". Theo nghĩa đen, "vô điền" là vùng quê không có ruộng đất cày cấy, là vùng đất ngập nước mặn, cứ mỗi lần thuỷ triều lên là nước mặn tràn vào nên không thể trồng trọt được. Vì vậy để có cuộc sống ổn định, ông cùng với mọi người đắp đê lấn sông theo hướng của miền đất ngập mặn. Cũng từ đó làng Vô Điền trở thành làng Tân Điền (ruộng mới). Về sau cùng với nhiều dòng họ khác quây quần, nên làng Tiên Điền. Dân gian đến nay vẫn truyền câu ca: "Lúa Xuân Viên, quan Tiên Điền, tiền Hội Thống".

Nguyễn Nghiễm (1708 - 1775), thuộc đời thứ 6 của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, tương truyền mẹ mang thai ông đến 12

*TS. Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch Hà Tĩnh

tháng. Năm lên 8 tuổi, Nguyễn Nghiễm đã biết làm văn, 13 tuổi thi đỗ đầu huyện, 16 tuổi thi tỉnh đỗ đầu, đến kỳ thi Hương đỗ Tứ trường, năm 17 tuổi thi ở Quốc Tử Giám đứng đầu bảng, năm 20 tuổi thi Hội đỗ Tam trường. Năm 1731, thi Hội trúng cách hạng 8, tháng Chạp năm đó vào thi Đình đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân. Năm 1732, ông được phong Hàn lâm viện, năm 1738 được thăng làm Hiến sát sứ xứ Thanh Hoa. Năm Tân Dậu (1741), ông được thăng chức Tham chính xứ Sơn Nam, ít lâu sau về làm Tế tửu Quốc Tử Giám. Tháng 3 năm Bính Dần (1746), ông có công và được thăng Hữu thị lang bộ Công, tước Xuân Lĩnh bá, năm Mậu Thìn (1748) thăng Thị lang bộ Hình.

Năm Canh Ngọ (1750), ông để thất thủ Thanh Hóa, bị giáng làm Đông các Đại học sĩ. Khi Trịnh Doanh đi đánh dẹp ở Sơn Tây, sai ông làm Tán lý đi hộ giá, tiến sâu vào căn cứ của quân nổi dậy, được thăng Thiêm đô Ngự sử. Năm Nhâm Thân (1752), ông vâng mệnh đi tiễu trừ những cuộc nổi dậy ở Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang. Khi thắng trận trở về, chúa Trịnh Doanh đã phục lại chức cũ cho ông. Năm Quý Dậu (1753), ông được thăng Đô ngự sử, mùa đông năm đó, chúa Trịnh sai ông làm Đốc lĩnh đạo Thanh Hóa, đem quân đi đánh giặc ngoại bang xâm phạm miền núi.

Năm Giáp Tuất (1754) thi Hội, Nguyễn Nghiễm làm Tả giám thị. Năm Đinh Sửu (1757), ông được thăng Tả thị lang bộ Hình. Năm Tân Tỵ (1761), chúa xét ông có công đánh giặc nên được thăng Ngự sử, sau lại được thăng Thượng thư bộ Công. Ít lâu sau, ông được làm Trung thư giám ở Quốc Tử Giám, kiêm coi Đông các và làm Tổng tài Quốc Tử Giám. Năm Giáp Thân (1764), Nguyễn Nghiễm được thăng hàm Thiếu phó.

Sau khi Trịnh Sâm lên nắm quyền chính, thăng ông làm Thái tử Thái bảo, tước Xuân Quận công, gia phong Đại Tư không. Năm Tân Mão (1771), ông xin về trí sĩ, được thăng chức Thượng thư bộ Hộ, Đại tư đồ, Tham tụng, tặng tiệp dinh Tả tướng… Ông về quê chỉ được 3 tháng lại có chiếu khởi phục, triệu về kinh giao chức Thượng thư bộ Hộ. Nguyễn Nghiễm mất năm Ất Mùi (1775), thọ 68 tuổi. Vua Lê Hiển Tông ban cho ông tên thụy Trung Cần, sắc cho địa phương lập đền thờ, phong làm Thượng đẳng phúc thần, Chúa ban tên thụy là Trung Cần (2).

Nguyễn Nghiễm không chỉ giỏi chính trị, quân sự, mà còn có nhiều cống hiến trong việc tổ chức dịch trạm từ biên ải Lạng Sơn đến Kinh Bắc và vào Nghệ An, ông còn là một nhà sử học nghiêm túc, trung thực. Ông cùng với Ngô Thì Sĩ viết lời bàn trong bộ *Đại Việt sử ký tục biên*. Trải qua 3 triều vào làm tướng văn, ra ngoài làm tướng võ, ở ngôi Tể tướng 15 năm, ông thường được Ân vương Trịnh Doanh khen là tài trí, là bậc nguyên lão của triều đình. Ông để lại nhiều tác phẩm như: *Cổ lễ nhạc chương văn thi tập, Việt sử bị lãm, Quân trung liên vịnh, Lạng Sơn toàn thành đồ chí, Xuân đình tạp vịnh*

Nguyễn Khản (1734 - 1786), là con trai đầu của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm. Năm Canh Thìn (1760), Nguyễn Khản đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Sau khi thi đỗ Tiến sĩ, Nguyễn Khản được bổ chức Hàn lâm viện Học sĩ, sau thăng Đại học sĩ. Cuối năm 1769, được chúa Trịnh Sâm đưa làm Tả tư giảng để giảng dạy cho Thế tử Trịnh Khải (tức Trịnh Tông). Sau đó, ông lại được thăng Hữu thị lang bộ Lại, Nhập thị Bồi tụng, tước Kiều Nhạc hầu. Từ năm 1778, ông đổi sang hàng võ quan, lĩnh chức Đô đốc, tước Hồng Lĩnh hầu. Sau, lại được thăng chức Tham tụng kiêm trấn thủ Sơn Tây - Hưng Hóa. Năm Canh Tý (1780), ông liên quan đến vụ án phế lập thế tử nên bị giáng xuống chức Đình úy. Khi quân Tam phủ lập Trịnh

Tông, ông lại được thăng Thượng thư bộ Lại, tước Toản Quận công kiêm Trấn thủ Sơn Tây (1782). Năm sau, lại được thăng làm Tham tụng. Sự việc kiêu binh làm loạn đã khiến ông phải lánh nạn lên Sơn Tây. Tại đây, ông cùng em trai là Nguyễn Điều bàn tính việc đưa quân về dẹp kiêu binh nhưng không thành. Ông lại phải lánh nạn về quê. Năm 1786, quân Tây Sơn kéo ra Bắc, ông đang ở quê nhà liền đưa vợ con vượt biển ra Thăng Long để giúp vua Lê nhưng bị thua trận nên phải lánh lên Hưng Hóa rồi bị bệnh, gia nhân đưa ông về kinh, sau đó mất tại kinh thành Thăng Long.

Sự nghiệp của Nguyễn Khản trải nhiều thăng trầm, nhưng ông luôn được vua Lê, chúa Trịnh yêu quý. Những chức vụ ông từng kinh qua như: Hàn Lâm viện Đại học sĩ, Hữu Thị lang bộ Lại, tham gia quân vụ chức Đô đốc, Tham tụng kiêm Trấn thủ Sơn Tây, Hưng Hóa, Tế tửu Quốc Tử Giám, Nhập thị Tham tụng. Khi mất, "Triều đình nhà Lê xét ông có công phù tá truy tặng ông hàm Thái tử, Thái bảo, tên thụy là Hoàn Mẫn (3).

Nguyễn Khản đã có đóng góp cho văn hoá Thăng Long trên nhiều mặt như giáo dục, lễ chế, văn học, kiến trúc và đặc biệt là âm nhạc. *Hoàng Lê nhất thống chí* chép: "Tính Khản hào hoa, trong lâu đài không mấy khi dứt tiếng sênh ca, hoặc tiếng ngâm thơ, đánh đàn để mua vui. Người ta thường xem Khản là bậc phong lưu đại thần. Tại đình Kim Âu, nơi Khản ở, có đủ cả nước, non, trúc đá, cảnh trí hết sức thú vị…" (4).

Có thể nói, đến đời thứ 6, thứ 7 dòng họ Nguyễn Tiên Điền đã thuộc vào hàng đại quý tộc. *Phụ đăng khoa kế tử đăng khoa/ Thế chưởng quân hành Nguyễn tướng gia*. Có nghĩa: *Cha đăng khoa con kế tiếp đăng khoa/ Vận số cân bằng Nguyễn tướng gia*. Hay: *Cha tiến sĩ con tiến sĩ/Cha con tiến sĩ đồng triều*... là những câu đối để nói về dòng họ Nguyễn Tiên Điền.

Nguyễn Thiếp sinh ngày 25 tháng 8 năm Quý Mão (1723) đời vua Lê Bảo Thái thứ 4, quê ở Mật thôn, xã Nguyệt Ao, tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, nay là xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Lúc sinh thời, Nguyễn Thiếp tự đặt cho mình hoặc được người đời tặng cho nhiều hiệu khác nhau: Lạp Phong cư sĩ, Bùi Phong cư sĩ, Hạnh Am tiên sinh, Lục Niên tiên sinh, La Giang Phu tử, La Sơn Phu tử, La Sơn tiên sinh, Nguyệt Ao tiên sinh, Khải Xuyên tiên sinh... Lúc nhỏ ông bị bệnh cuồng (tức bệnh điên) nên có lúc lấy hiệu là Cuồng ẩn hay Điên ẩn.

Gia phả họ Nguyễn ở làng Nguyệt Ao cho biết: Thuỷ tổ của dòng họ là một võ tướng có công trong cuộc đánh Chiêm Thành đời vua Lê Thánh Tông. Trong một lần được vua sai đi bắt voi trắng ở núi Trà Sơn, ông đóng quân ở Mật thôn, chọn một cô gái họ Võ trong làng làm người hầu. Sau đó cô người hầu họ Võ sinh được một người con trai, hai mẹ con ở lại Mật thôn và chi họ Nguyễn Mật thôn có từ đó. Khi ông võ tướng họ Nguyễn chết, triều đình phong cho ông tước Quận công và ban hiệu là Lưu Quận công. Họ Nguyễn ở Mật thôn phát đạt nhanh chóng. Đến đời thứ 9 có Nguyễn Hành (là chú của Nguyễn Thiếp) thi đậu Tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733).

Thân phụ Nguyễn Thiếp là người bình thường, nhờ gia đình giàu có nên đã bỏ tiền mua thóc nộp vào quốc khố nên được trao một chức vụ nhỏ. Thân mẫu Nguyễn Thiếp là con gái họ Nguyễn Huy Trường Lưu, bà sinh được bốn trai, ba gái, Nguyễn Thiếp là con trai thứ ba. Nguyễn Thiếp sinh ra trong điều kiện gia đình giàu có, họ hàng thịnh đạt, lại ở vùng quê mà lúc bấy giờ có nhiều người đỗ đạt danh tiếng như Nguyễn Hành, Phan Kính, Nguyễn Huy Oánh.

Nguyễn Thiếp cưới vợ vào khoảng năm 23 - 24 tuổi, có đến 10 người con nhưng sử sách không ghi chép gì.

Năm 1743, khoa Quý Hợi, Nguyễn Thiếp đi thi và đậu Hương giải. Năm 1748, dự thi Hội, trúng Tam trường.

Mặc dù đã đậu Tam trường nhưng Nguyễn Thiếp vẫn thích nghiền ngẫm sách vở, vui thú bạn bè và vốn có bệnh cuồng nên ông không muốn ra làm quan. Đến năm 1756, khi gia đình rơi vào "cảnh nhà nghèo, mẹ già, vì sự ăn mặc bó buộc" (*Hạnh Am ký*) nên Nguyễn Thiếp đành phải đi làm Huấn đạo ở Anh Đô. Đối với ông, làm quan là điều miễn cưỡng, cảnh triều đình vua Lê chúa Trịnh tranh giành quyền lực, dân tình khốn khổ triền miên, giặc giã khắp nơi càng làm ông bi quan và chí ẩn dật thêm trỗi dậy.

Hết khoá 6 năm làm Huấn đạo, Nguyễn Thiếp được bổ trí làm tri huyện Thanh Giang (Thanh Chương ngày nay). Khi nhận chức tri huyện, ông buồn bã nói: "Ta không có ý làm quan, nay lại lấy chức tri huyện buộc nhau chăng"?

Năm Mậu Tý (1768), Nguyễn Thiếp xin treo ấn từ quan. Lý do xin từ quan là do sức yếu, việc nhiều, đi lại khó nhọc, bệnh cũ tái phát. Thực ra đây chỉ là cái cớ mượn mà thôi. Nguyên nhân chính là do nhà Lê suy nhược, Chúa Trịnh lộng quyền, quan lại tham ô nhũng nhiễu, giặc giã nổi lên khắp nơi, nhân dân đói kém, khốn khổ. Cùng lúc đó thì cuộc khởi nghĩa Lê Duy Mật nổ ra đánh mạnh vào vùng Hương Sơn, Thanh Chương, nơi Nguyễn Thiếp đang làm quan. Tể tướng Nguyễn Nghiễm là thầy của Nguyễn Thiếp lại được cử đi đánh dẹp Lê Duy Mật, trong khi Lê Duy Mật là hoàng thân nhà Lê, Nguyễn Thiếp dù sao cũng có cảm tình với nhà Lê, ông coi khởi nghĩa của Lê Duy Mật là chính nghĩa.

Đầu mùa hè năm Canh Tý (1780), Nguyễn Thiếp được chúa Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm triệu về kinh để hỏi và nhờ giúp Tĩnh vương trong việc đoạt vị ngôi vua Cảnh Hưng. Người tiến cử Nguyễn Thiếp với Tĩnh Đô vương là Hoàng Đình Bảo (tức Quận Huy). Khi tiếp kiến Tĩnh vương Trịnh Sâm, Nguyễn Thiếp đã khuyên Trịnh Sâm dừng tiếm ngôi vua Cảnh Hưng, ông cho rằng việc đó là không nên, và Chúa Trịnh Sâm đã nghe theo.

Năm 1786, Quang Trung ra Bắc lần thứ nhất, nghe tiếng La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp, nên khi trở về Nam, Quang Trung nhiều lần viết thư mời cộng tác. Nguyễn Thiếp đã từ chối chưa chịu ra giúp Quang Trung. Cũng từ đây giữa Nguyễn Thiếp và vua Quang Trung đã có quan hệ trao đổi thư từ.

Tháng 4 năm 1788, Quang Trung ra Bắc lần thứ 2, hai người đã gặp gỡ nói chuyện ở đại bản doanh của Quang Trung đóng trên núi Nghĩa Liệt.

Tháng Chạp năm Mậu Thân (1788), trên đường đem quân ra Bắc lần thứ 3 đánh quân Thanh, Quang Trung lại hội kiến với Nguyễn Thiếp ở Nghệ An và hỏi việc đánh quân Thanh. Nguyễn Thiếp trả lời: "Người Thanh ở xa tới, mệt nhọc, không biết tình hình khó dễ thế nào, thế nên chiến thủ thế nào. Vả nó có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp thì không ngoài 10 ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn một chút thì khó lòng mà được nó" (5).

Đúng như lời dự đoán của Nguyễn Thiếp, chưa đầy một tuần lễ, 29 vạn quân Thanh đã bị quân của Quang Trung đánh tan tác. Đánh quân Thanh xong, Quang Trung bắt tay vào xây dựng và củng cố nhà nước trên các mặt trận chính trị, quân sự, văn hoá... Nguyễn Thiếp được Quang Trung mời tham gia trông coi việc thi cử, chọn đất lập đô. Khi lập Sùng Chính viện, Hoàng đế Quang Trung đã cử Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng. Giúp việc cho Nguyễn Thiếp có Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, Phan Bảo Định, Bùi Dương Lịch (6)…

Tiếc thay, công việc triển khai chưa được bao nhiêu thì năm (1792) Quang Trung mất. Con Quang Trung là Quang

Toản (Cảnh Thịnh) mời Nguyễn Thiếp lưu lại Phú Xuân một thời gian. Ít lâu sau, Nguyễn Ánh đánh vào Phú Xuân, Cảnh Thịnh cùng tướng lĩnh bỏ chạy ra Bắc. Nguyễn Ánh biết Nguyễn Thiếp đang ở Phú Xuân, liền cho triệu vào để mời ra làm quan nhưng ông từ chối và xin về ở ẩn trên trại Bùi Phương.

Năm 1804, Nguyễn Thiếp mất tại trại Bùi Phong thọ 81 tuổi.

Trong thơ văn cũng như cuộc đời, Nguyễn Thiếp đặc biệt chú trọng đến vấn đề nhân tâm. Ông từng bày tỏ: "Dân là gốc nước, nước vững nước mới yên" muốn "gốc vững" thì phải chăm lo không để dân đói khổ "Dân thương nhớ kẻ có nhân" được vậy, lòng người sẽ quy phục. Nguyễn Thiếp rất quan tâm đến việc giáo hoá dân và học trò bằng học hành. Theo quan điểm của ông: "người không học không biết đạo. Đạo là cái lẽ làm người thường ngày. Kẻ đi học là học điều dạy dỗ ấy".

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp để lại tập thơ *Hạnh Am thi cảo* (gồm hơn 80 bài thơ chữ Hán, chữ Nôm, một số bài tản văn, chiếu, biểu…); *Hạnh Am di văn* (gồm một số bài văn của Nguyễn Thiếp phúc đáp, cáo từ, trần tình, tạ ơn... gửi vua Quang Trung).

2. Về mối quan hệ giữa Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm và Toản Quận công Nguyễn Khản với La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp

Trước hết, đối với Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm thì Nguyễn Thiếp chính là học trò của ông. Người đã gửi Nguyễn Thiếp làm học trò của Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm là Tiến sĩ Nguyễn Hành.

Nguyễn Hành (1701 - ?), đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, Khoa Quý Sửu (1733), đời vua Lê Thuần Tông. Khoa thi này có Nguyễn Huệ (1705 - 1735), là anh của Nguyễn Nghiễm cũng đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân. Như vậy, so với Nguyễn Huệ và Nguyễn Hành thì Nguyễn Nghiễm tuy ít tuổi hơn nhưng lại đỗ trước một khoa.

Hiện chưa rõ Nguyễn Hành đã gửi Nguyễn Thiếp đến học Nguyễn Nghiễm vào thời gian nào. Chỉ biết rằng sau khi đỗ đạt thì Nguyễn Nghiễm được bổ dụng, giữ nhiều chức vụ quan trọng, đến năm 1771 ông mới về quê trí sĩ. Như vậy việc Nguyễn Nghiễm mở lớp dạy học có lẽ chỉ diễn ra những lúc ông tranh thủ về quê. Và Nguyễn Thiếp là một trong số những học trò của ông. Hoàng Xuân Hãn cho rằng Nguyễn Thiếp học Nguyễn Nghiễm vào năm 1744 nhưng đây cũng chỉ là phỏng đoán.

Không những là học trò của Nguyễn Nghiễm mà Nguyễn Thiếp còn là anh em rể của Nguyễn Khản - con trai cả của Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm. Vợ Nguyễn Thiếp tên húy là Nghi, vợ Nguyễn Khản húy là Vệ, hai bà là con gái của Đặng Thái Bàng.

Đặng Thái Bàng (1689 - 1759), quê xã Uy Viễn, huyện Nghi Xuân. Tuy khác xã nhưng khoảng cách giữa nhà Đặng Thái Bàng và Nguyễn Nghiễm chưa đầy một km. Lúc bấy giờ, họ Đặng và họ Nguyễn là hai dòng họ lớn, thuộc vào hàng trâm anh thế phiệt của vùng đất Nghi Xuân. Đặng Thái Bàng 19 tuổi đỗ Hương giải (cử nhân), 21 tuổi đỗ Hoành từ chế khoa khoa Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710). Sau khi đỗ đạt, Đặng Thái Bàng được giao các chức vụ Tri huyện Anh Sơn (Nghệ An), Viên Ngoại lang bộ Lễ, Lang trung bộ Hình, Hiến phó xứ Sơn Nam, Thái bộc tự khanh… Sau khi mất, ông được truy phong là Đạt đạo Đại vương, phong làm phúc thần, cho dân lập đền thờ và cấp ruộng đất để tế lễ hàng năm. Giữa Đặng Thái Bàng và Nguyễn Nghiễm có mối quan hệ khăng khít, vừa là thông gia, vừa là quan cùng triều.

Ngoài ra, Nguyễn Thiếp và Nguyễn Khản còn là bạn học của nhau:

"Năm xưa tôi học cửa Hồng Ngư,
Tôi đà lớn tuổi, ông còn thơ...
Cùng ông đồng môn lại đồng á" (7).

Mặc dù là học trò nhưng Nguyễn Thiếp không hề cầu cạnh "ông thầy" làm quan Tể tướng của mình. Đã một vài lần Nguyễn Nghiễm cân nhắc, tiến cử Nguyễn Thiếp làm quan nhưng ông đều lưỡng lự, từ chối. Đến năm 1756, khi đã 33 tuổi, Nguyễn Thiếp mới chịu ra nhận chức Huấn đạo Anh Đô. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cho rằng: "Xét gia phổ họ Nguyễn Tiên Điền, thấy năm trước (Ất Hợi, 1755), Nguyễn Nghiễm về làm hiệp trấn Nghệ An. Có lẽ cũng vì ông nên mới có việc bổ này". Tuy nhiên trong bài "Hạnh Am ký", Nguyễn Thiếp đã nói rõ: "Năm Bính Tý (1756), vì ta nhiều tuổi và có đậu, được bổ làm Huấn đạo Anh Đô" (8).

Rồi đến cả việc dự thi Hội, Nguyễn Thiếp cũng không ham hố: "Năm Cảnh Hưng Quý Hợi, tuổi 21, đậu hương giải. Mỗi kỳ xuân vi tới, thì cãi nhau không dứt. Tả tướng (chỉ Nguyễn Nghiễm) nói đi nói lại, bảo với ông rằng: "Đỉnh hương còn dành đó. Chỉ một mình không chịu nghe sao". Ông đáp "ấy vì đối với hành thạch, tôi vốn không có bụng mà thôi" (9).

Năm 1766, khi Nguyễn Thiếp ra Bắc hà đã đến chơi nhà Nguyễn Nghiễm, thấy ở dinh quan Tể tướng có hai chữ lớn "Phú Đức", ông đã làm bài tán như sau:

"Phú, phú, phú, tiền cốc hóa bảo, tài tụ, nhân tụ ngũ phúc chi nhất, chúng oán chi phủ, vật cầu, vật vi, an kỳ sở ngộ.

Đức, đức, đức, nhân nghĩa lễ trí, dân di vật tắc, tu chi thánh hiền, bội chi quỉ hoặc, tất chức, tất lực, tự nhiên hữu đức".

Tiên Điền gia Phúc đức nhị đại tự tán.

Dịch nghĩa:

"Phú, phú, phú, tiền lúa vật báu, của nhóm người nhóm, dầu là một trong năm phúc, nhưng vẫn là cái kho chứa oán; chớ cầu chớ làm, gặp sao hay vậy.

Đức, đức, đức, nhân nghĩa lễ trí, khuôn dân phép vật, sửa được là thánh hiền, làm sai là quỉ quái; phải lo, phải gắng, tự nhiên có đức".

Việc một người học trò nhưng đã có ý nhắc nhở, khuyên răn thầy học của mình, hơn nữa ông thầy lại là một vị quan đang giữ chức Tể tướng đầu triều, quyền cao chức trọng thì có lẽ cũng chỉ có La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp mới bản lĩnh làm được mà thôi.

Nhân đây cũng nhắc tại rằng, không những Nguyễn Nghiễm mà cả Nguyễn Khản cũng được Nguyễn Thiếp nhẹ nhàng, tinh tế khuyên răn. Trong bài thơ "Định tặng Tiến sĩ họ Nguyễn ở Tiên Điền sau không gửi", Nguyễn Thiếp đã viết:

...Nay ông chức trọng nơi triều chính
Vẫn nhớ quê mùa bạn thuở xưa
Nghi Xuân trở Bắc vùng Hồng Lĩnh
Bên nhà khoa cử tiếng thi thư
Há chẳng nghe:
Lư Châu thứ sử dạy con em
Nhà cao họ lớn dễ sinh hư
Lại chẳng nghe:
Phục Ba tướng quân từng răn cháu
Toàn thân danh, cẩn trọng, hiền từ
Chúng ta đồng môn lại đồng á
Mong lượng tình, đinh ninh dặn dò" (10).

Trong lịch sử giáo dục khoa cử Nho học nước ta, việc có hai cha con đều đỗ đại khoa, cùng làm quan lớn trong triều nhưng được một người học trò, một người bạn đồng môn dù chỉ đỗ Hương cống nhắc nhở, khuyên răn như trường hợp giữa Nguyễn Thiếp với Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Khản thì quả là hiếm thấy và cũng thật là thú vị.

Trong *La Sơn Phu tử*, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn có viết: "Gia phả dòng họ Nguyễn Huy xã Trường Lưu có chép rằng: Trần Chánh Kỷ (11), người Thuận Hóa, đậu cử nhân (hương cống) tới kinh (Thăng Long), yết kiến cụ Thái bảo Nguyễn Nghiễm, hỏi đến nhân tài nước Nam. Cụ thái bảo trả lời: "Đạo học sâu xa thì Lạp Phong xử sĩ, văn chương phép tắc thì Thám hoa Nguyễn Huy Oánh, còn thiếu niên đa tài đa nghệ thì chỉ có Nguyễn Huy Tự" (12).

Về chuyện Trần Văn Kỷ ra Thăng Long dự thi Hội, *Hoàng Lê nhất thống chí* chép: "Kỷ người Thuận Hóa, vốn có văn học, là bậc danh sĩ ở Nam Hà. Năm Đinh Dậu (1777) niên hiệu Cảnh Hưng, Kỷ thi ở trấn đậu giải nguyên. Năm Mậu Tuất (1778), Kỷ tới kinh thi Hội, sĩ phu ở Bắc Hà, Kỷ có giao thiệp quen biết ít nhiều. Năm Bính Ngọ (1786), Bắc Bình Vương đánh lấy thành Phú Xuân, sai người tìm Kỷ hỏi việc Nam, Bắc. Kỷ đối đáp rất nhanh và rất hợp ý, nên Bắc Bình Vương rất trọng, cho ở vào chỗ "màn trướng", việc gì cũng bàn với Kỷ, lúc nào cũng gần bên Kỷ, không mấy khi xa rời" (13).

Cũng nội dung này trong sách *Nguyễn thị gia tàng* cho biết: "Cử nhân trong đất Thuận [Hóa] là Trần Chánh Kỷ đến kinh đô có vào chào cụ Thái bảo, nhân hỏi về nhân tài nước Nam, cụ Thái bảo nói: "Đạo học uyên thâm thì có Lạp Phong xử sĩ, văn chương mẫu mực thì có Thám hoa Nguyễn tiên sinh. Còn lớp trẻ mà đã đa tài đa nghệ, dùng vào việc gì cũng tốt thì chỉ có ông mà thôi" (14).

Qua đoạn trích trên có thể thấy Trần Văn Kỷ ra Thăng Long vào năm 1778, trong khi đó Tể tướng Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm mất năm 1775. Như vậy ở đây Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã có sự nhầm lẫn, Trần Văn Kỷ không thể gặp và hỏi Tể tướng Nguyễn Nghiễm được. Người Trần Văn Kỷ gặp ở đây chính là Toản Quận công Nguyễn Khản.

Như vậy, dù biết Trần Văn Kỷ có ý giúp Tây Sơn nhưng Nguyễn Khản vẫn giới thiệu với ông ta về sĩ phu Bắc hà, trong đó người đầu tiên được giới thiệu chính là Lạp Phong xử sĩ, tức La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp, điều này cho thấy, Toản Quận công Nguyễn Khản dù lúc bấy giờ đang rất được các chúa Trịnh tin yêu, là bậc đại thần quyền cao chức trọng nhưng vẫn rất kính trọng tài năng của La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp - một người không hề giữ chức vụ gì trong triều lúc bấy giờ. Việc Nguyễn Khản giới thiệu La Sơn Phu tử chắc hẳn không phải vì hai ông là "người nhà", mà trên hết phải là tài năng đức độ của La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp đã động đến đất kinh kỳ, đến ngay cả những người như Hiệp trấn Bùi Huy Bích cũng quý mến tặng thơ, Huy Quận công Hoàng Đình Bảo biết tiếng, tiến cử với Chúa Trịnh Sâm: "Xem như vậy thì năm cụ bị triệu, Hoàng Đình Bảo có thế lực nhất trong triều. Mà lúc Bảo làm trấn thủ Nghệ An, thì Bảo và Bùi Huy Bích đã để ý đến các bậc danh vọng ở xứ, nhất là đến cụ…" (15). Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cũng đã nói rõ: "Còn lẽ gì nữa mà Trịnh Sâm mời cụ ra? Muốn thoán vị thì thiếu gì trọng thần tán trợ, mà phải cần đến ông già ở chốn sơn lâm. Hoàng Đình Bảo đó sao không dùng, lại mời đến cụ? Có lẽ cụ bấy giờ nối tiếng lý số tinh thông như trạng Trình xưa, cho nên chúa muốn hỏi cụ một câu vận mệnh như trước đó hai trăm năm, ba họ Mạc, Trịnh Nguyễn tới hỏi Nguyễn Bỉnh Khiêm về thời vận" (16).

Năm 1756, khi gia đình rơi vào "cảnh nhà nghèo, mẹ già, vì sự ăn mặc bó buộc", Nguyễn Thiếp mới chịu ra làm quan, giữ chức Huấn đạo Anh Đô. Soi lại thời điểm đó ta có thể thấy lúc này gia đình bên vợ của Nguyễn Thiếp đang ở vào thời kỳ sung túc, có bố vợ là Đặng Thái Bàng làm quan lớn trong triều, gia đình em vợ là Nguyễn Khản cũng thuộc hàng rất giàu có, vậy mà để gia đình Nguyễn Thiếp phải chịu cảnh nghèo, "vì sự ăn mặc bó buộc".

Xét về quan hệ gia đình, điều này là khá lạ bởi người Việt vốn có truyền thống yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là trong quan hệ cha con, anh em họ hàng. Nguyễn Thiếp khí khái có thể không nhận sự giúp đỡ của đằng vợ, nhưng với vợ của ông, bà không nhận sự giúp đỡ của bên ngoại cũng là một điều hiếm có. Qua việc này cho thấy, khi lấy Nguyễn Thiếp, bà đã chấp nhận hy sinh, cam chịu nghèo khổ, xa rời cuộc sống vinh

hoa, theo chồng về nơi thôn dã, núi rừng để ẩn dật. Đây cũng là phẩm chất rất đáng quý của người phụ nữ Việt Nam dưới thời quân chủ.

Trương Chính trong *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* đã nêu một nhận định khá thẳng thắn: "Khi nói đến quê hương nhà thơ (Nguyễn Du), nhiều nhà nghiên cứu thường hay ca tụng cảnh sông Lam, núi Hồng, cố làm cho ta thấy cảnh núi cao sông rộng đã hun đúc nên nhân tài. Đó là quan điểm của các nhà phong thủy. Thực ra, ở đâu mà không có cảnh núi cao, sông rộng, và ở đâu mà không có nhân tài! Chẳng qua ở thời đại phong kiến, một người làm quan cả họ được nhờ, huống chi cha con, anh em, người nọ dắt dìu người kia, người này bày cho người khác, gì mà không chiếm được một chỗ trong chốn quan trường" (17).

Nhận định nêu trên của Trương Chính không phải không có cơ sở nhưng riêng với mối quan hệ giữa La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp với dòng họ Nguyễn Tiên Điền thì điều này hoàn toàn không xảy ra.

3. Lời kết

Qua một vài suy nghĩ về mối quan hệ và những ứng xử giữa Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm và Toản Quận công Nguyễn Khản với La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp cho thấy dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào thì La Sơn Phu tử vẫn luôn hiện lên những phẩm chất vô cùng cao đẹp. Dù cuộc sống có khó khăn, mặc xung quanh nhiều vinh hoa cám dỗ, nhiều cơ hội thăng tiến nhưng trong ông vẫn luôn thanh bạch, giữ tâm hồn thanh tao, tiết tháo, không màng vật chất, danh lợi.

Ngày nay, nhắc tới Nguyễn Thiếp là nhắc tới một tâm hồn của một con người có nhãn quan nhìn xa trông rộng, dù ở ẩn nhưng ông vẫn luôn dõi theo thời cuộc, đau đáu với nỗi khổ của nhân dân, mong muốn có một vương triều minh quân để muôn dân được nhờ. Là người ở ẩn, nhưng việc ở ẩn của La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp không phải vì ưa nhàn hạ. Ở trên am núi, ông vẫn coi trọng hành đạo thông qua ứng xử và dạy học, nhờ đó mà Nguyễn Thiếp đã truyền nếp Nho phong ra khắp vùng, người đời đều biết tiếng và kính trọng. Nguyễn Thiếp ẩn cư ngoài lẽ để ẩn bệnh như một duyên cớ ra, nguyên nhân chính là ẩn cư để đợi thời, cái thời chính đạo minh quân mà ông mong mỏi: "Đến khi chính đạo ra vào thung dung".

Chính những năm tháng ở ẩn nơi thôn dã, Nguyễn Thiếp đã tiếp xúc với cuộc sống của người dân lao động nghèo khổ, nhưng lành mạnh và chất phác, điều này đã giúp ông hiểu được mong muốn của nhân dân, đây cũng là cơ sở tư tưởng cho Nguyễn Thiếp sau này hợp tác với Tây Sơn.

Nguyễn Thiếp "ẩn mà không ẩn" là vì vậy.

CHÚ THÍCH

(1). Mai Quốc Liên (Chủ biên), *Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2016.

(2), (3). Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075 - 1919)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 592, 618.

(4), (13). Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí,* Nxb. Văn học, Hà Nội, 2002, tr.56, 306.

(5), (7), (8), (9), (12), (15), (16). Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn Phu tử*, Nxb. Minh Tân, Paris, 1952, tr.130, 53, 57, 37, 109, 90, 91.

(6). Nguyễn Công, Nguyễn Thiện là cháu nội của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm. Phan Bảo Định và Bùi Dương Lịch đều quê xã Yên Đồng, huyện La Sơn, nay là xã Tùng ảnh, huyện Đức Thọ, cả hai đỗ Tiến sĩ Khoa Đinh Mùi (1787), năm Chiêu Thống thứ nhất, đời Lê Mẫn Đế.

(10). Nguyễn Sĩ Cẩn (Biên soạn), *Thơ La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp*, Nxb. Nghệ An, 1998, tr.99-100.

(11). Tức Trần Văn Kỷ.

(14). Nguyễn Huy Vinh, *Nguyễn thị gia tàng*, Nxb. Đại học Vinh, 2019, tr. 268.

(17). *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1978, tr. 25